

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-PT

Ngày: 30-3-2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài
sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm: 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1986 (vắng mặt);

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà NĐD, sinh năm: 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông NLQ1, sinh năm: 1962 (vắng mặt);

3.2. Bà NLQ2, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của bà NLQ2: Bà NĐD, sinh năm: 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo*: Bà Võ Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Thửa đất số 75, tờ bản đồ địa chính số 29, diện tích 143m², tọa lạc tại khu phố M, phường Đ, thành phố P hiện đang tranh chấp giữa bà và ông Nguyễn Ngọc Q có vị trí tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường đi; Phía Đông giáp đường đi, Phía Tây giáp thửa số 76 và Phía Nam giáp đường đi. Nguồn gốc thửa đất này là do vợ chồng bà là NLQ1 và Võ Thị T nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị L vào ngày 07/7/2007 với số tiền 700.000đ (Hiện bà L đã mất). Khi chuyển nhượng, giữa vợ chồng bà và bà L có làm giấy viết tay, bà đã giao đủ tiền cho bà L và bà L cũng đã giao đất cho bà.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà có sử dụng một thời gian, đến cuối năm 2008, ông Nguyễn Ngọc Q (là cháu ruột của chồng bà) có hoàn cảnh khó khăn, không có nhà ở nên hỏi bà cho ở nhờ trên thửa 75, do chưa có nhu cầu xây dựng nhà ở nên vợ chồng bà đã đồng ý cho ông Q ở nhờ trên thửa 75. Việc cho ông Q ở nhờ thì không có người làm chứng và giữa hai bên cũng không làm giấy tờ gì về việc cho ở nhờ.

Trong quá trình ở, vợ chồng ông Q có dựng một nhà tạm vách và mái bằng tôn proximang, vợ chồng bà và các con có cho tiền và cho cây để ông Q dựng nhà ở tạm. Năm 2012, ông Q có dựng 01 nhà vệ sinh trên đất do được Nhà nước hỗ trợ theo chính sách, khi ông Q xây nhà vệ sinh có hỏi ý kiến bà và bà đồng ý cho vợ chồng Q xây. Sau này (năm nào bà không nhớ), do có đợt kê khai đăng ký kê khai đất nên bà đi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) thì nghe nói ông Q cũng làm hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa 75.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày bổ sung:

Năm 2011, Nhà nước hỗ trợ tiền cho người dân có đất sát lở ven biển, do thửa 75 ở ven biển nên người chủ sử dụng đất cũng thuộc diện được nhận hỗ trợ, tuy nhiên, ông Q đã tự ý nhận số tiền này mà không báo cho bà biết, một thời gian sau bà mới biết việc ông Q nhận tiền hỗ trợ, vì vậy giữa bà và ông Q phát sinh mâu thuẫn, ông Q bỏ địa phương đi nơi khác nên khi bà đưa đơn ra phường không giải quyết được. Từ năm 2019 đến nay, ông Q đã không trực tiếp quản lý và sử dụng thửa 75, trên đất hiện nay cũng không có tài sản gì.

Bà đồng ý với tổng diện tích đất của thửa 75 là 109m² theo như Trích lục bản đồ địa chính ngày 09/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh P.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc Q phải trả lại toàn bộ diện tích thửa đất số 75 cho bà.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q và đại diện hợp pháp của ông Q là bà NĐD trình bày:

Thửa đất số 75, tờ bản đồ địa chính số 29, diện tích 109m², tọa lạc tại khu phố M, phường Đ, thành phố P là của bà Nguyễn Thị Kim C (con dâu của bà Dương Thị L) chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Q vào năm 2008 với giá 700.000đ. Việc mua bán giữa hai bên chỉ nói miệng, không lập thành văn bản gì, ông Q đã giao đủ tiền cho bà C. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, do không có tiền nên ông Q có mượn tiền của bà Võ Thị T 700.000đ để trả cho bà C (vì khi đó ông Q đang làm thuê cho bà T).

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng ông Q, bà NLQ2 có dựng trên đất 01 nhà tạm, vách tole, nền xi măng, diện tích: $6,3\text{m} \times 5,5\text{m} = 34,65\text{m}^2$; 01 mái che tole, gỗ tạp, diện tích $2,2\text{m} \times 4,2\text{m} = 9,24\text{m}^2$ và 01 nhà vệ sinh, nền xi măng, mái tole, tường xây $1,6\text{m} \times 1,4\text{m} = 2,24\text{m}^2$ (Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/5/2020).

Năm 2015, vợ chồng ông Q và bà T xảy ra tranh chấp do bà T cho rằng toàn bộ thửa 75 là của bà T và buộc ông Q phải trả lại toàn bộ diện tích đất này cho bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông Q trả lại thửa 75 thì ông Q không đồng ý vì thửa đất này là do vợ chồng ông Q, bà NLQ2 nhận chuyển nhượng của bà C năm 2008.

Đối với các tài sản do vợ chồng ông Q, bà NLQ2 tạo lập trên thửa 75 gồm 01 nhà tạm diện tích $34,65\text{m}^2$, 01 mái che tole diện tích $9,24\text{m}^2$ và 01 nhà vệ sinh diện tích $2,24\text{m}^2$ (Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/5/2020) mà bà T đã tự ý tháo dỡ vào ngày 26/6/2020 thì ông Q và bà NLQ2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q và bà NLQ2 xin rút lại yêu cầu phản tố về việc buộc bà T phải bồi thường thiệt hại đối với các tài sản nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 do bà Võ Thị T đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Võ Thị T đại diện hợp pháp của ông NLQ1 đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bà T và không bổ sung gì thêm. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng ông Q và bà NLQ2 trả lại cho vợ chồng ông thửa đất số 75.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 do bà NĐD là đại diện hợp pháp trình bày:

Bà NLQ2 là vợ của ông Nguyễn Ngọc Q, bà NLQ2 đồng ý với toàn bộ lời trình bày của đại diện hợp pháp của ông Q và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc vợ chồng ông Q và bà NLQ2 trả lại thửa đất số 75 cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà NDD trình bày bổ sung: Bà xác định từ năm 2019 đến nay vợ chồng ông Q không trực tiếp quản lý thửa 75 và hiện nay trên đất không có tài sản gì.

Tại bản án sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Áp dụng: khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 157, 165, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Q, bà NLQ2 phải trả lại thửa đất số: 75, tờ bản đồ địa chính số: 29, diện tích 109m² đất, tọa lạc tại khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi; Phía Đông giáp đường đi; Phía Tây giáp thửa số 76; Phía Nam giáp đường đi.

(Trích lục bản đồ địa chính ngày 09/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh P)

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc Q và bà NLQ2 có đơn xin rút lại yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại tài sản do bà T tự ý tháo dỡ ngày 26/6/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/9/2022, bà Võ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Q, bà NLQ2 phải trả lại cho bà T thửa đất số 75.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NLQ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt ông NLQ1.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đưa UBND phường Đ vào tham gia tố tụng là chưa chính xác, bởi lẽ quan hệ tranh chấp mà Tòa án đang thụ lý, giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa cá nhân với cá nhân và không liên quan đến các quyết định hành chính cá biệt hoặc hành vi hành chính của UBND phường Đ đối với thửa 75, vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định UBND phường Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*” là chưa chính xác, bởi: thứ nhất, hiện nay thửa đất số 75 mà các bên đang tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai; thứ hai, quá trình giải quyết vụ án, ông Q và bà NLQ2 có yêu cầu phản tố buộc bà T

bồi thường thiệt hại đối với các tài sản mà vợ chồng ông Q tạo lập trên đất đã bị bà T tháo dỡ, yêu cầu phản tố này đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là *“Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”*.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q, bà NLQ2 trả lại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 29 phường Đ cho vợ chồng bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về nguồn gốc đất: Bà T trình bày nguồn gốc thửa 75 là do vợ chồng bà là NLQ1, Võ Thị T nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị L vào năm 2007 với giá 700.000đ, đến năm 2008, vợ chồng bà cho ông Nguyễn Ngọc Q (là cháu gọi chồng bà là chú ruột) mượn toàn bộ diện tích đất này để làm nhà ở tạm. Chứng minh cho lời trình bày của mình, bà T có xuất trình 01 giấy mua bán đất viết tay lập ngày 07/7/2007, có chữ ký của vợ chồng bà T, ông NLQ1 và bà L; trong khi đó, bà NDD là đại diện hợp pháp của ông Q và bà NLQ2 thì xác định nguồn gốc đất này là của bà Nguyễn Thị Kim C (con dâu bà L) chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Q năm 2008 với giá 700.000đ, khi chuyển nhượng giữa hai bên không lập giấy tờ và không có ai chứng kiến.

Xét lời trình bày của các đương sự, thấy rằng: Hiện nay, bà L đã chết, các con của bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng từ chối cung cấp lời khai về nguồn gốc thửa 75 cũng như việc chuyển nhượng đất nên không có cơ sở để đối chứng, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2022 (BL 78) của Tòa án nhân dân thành phố P, bà Nguyễn Thị Kim C (là con dâu bà L) khai nhận *nguồn gốc thửa đất 75 là của vợ chồng bà khai hoang và tặng cho lại bà L vào năm 2007, sau đó bà L bán cho ai thì vợ chồng bà không biết*. Lời khai này của bà C phù hợp với lời khai của bà T và các chứng cứ mà bà T đã xuất trình để chứng minh về nguồn gốc đất cũng như thời điểm mà bà T nhận chuyển nhượng đất từ bà L. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, nhiều lời khai của phía bị đơn có sự mâu thuẫn, cụ thể: Tại các bản tự khai ngày 21/9/2019 và 15/4/2020 (BL 23, 25), ông Q khai nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị Kim C tặng cho vợ chồng ông, nhưng đến các biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2020, 23/11/2020, 08/3/2022, 10/6/2022 và

04/7/2022 (BL 72 – 76), bà NĐD – đại diện hợp pháp của ông Q lại xác định nguồn gốc đất là do vợ chồng ông Q nhận chuyển nhượng của bà C (con dâu bà L) với giá 700.000đ; cũng tại các biên bản này, lời khai của bà NĐD liên tục thay đổi: Khi thì bà NĐD khai đất là của bà L (BL 75), khi lại khai đất là của bà C (BL 74). Xét thấy, các lời khai của chính bị đơn có nhiều mâu thuẫn với nhau và cũng mâu thuẫn với lời khai mà bà C đã cung cấp trước đó tại biên bản ngày 10/6/2022 (BL 78), vì vậy, toàn bộ lời trình bày của bà NĐD tại phiên tòa về việc vợ chồng ông Q là người nhận chuyển nhượng thửa 75 từ bà C là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa vợ chồng bà T, ông NLQ1 và bà L có phát sinh giao dịch chuyển nhượng thửa đất số 75; và xác định giữa bà C và vợ chồng ông Q, bà NLQ2 không phát sinh giao dịch chuyển nhượng thửa 75 như ông Q và đại diện hợp pháp của ông Q, bà NLQ2 đã trình bày.

[3.2] Căn cứ vào Công văn số 772/UBND-TNMT ngày 09/3/2023 của UBND thành phố P và kết quả xác minh ngày 15/3/2023 tại UBND phường Đ thì hiện nay thửa đất số 75 đã được đưa vào quy hoạch chỉnh trang khu dân cư tại Quyết định số 164 của UBND thành phố từ năm 2018. Xét thấy, vợ chồng bà T là người trực tiếp nhận chuyển nhượng thửa 75, có quá trình sử dụng, quản lý đất ở thời điểm nhận chuyển nhượng, ông NLQ1 cũng đã được quy chủ trong sổ mục kê năm 2017 của phường Đ và từ năm 2019 đến nay ông Q, bà NLQ2 cũng không trực tiếp quản lý thửa 75. Căn cứ vào các Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 2, 3 Điều 22, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Hội đồng xác định vợ chồng bà T ông NLQ1 có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa 75, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông Q trả lại toàn bộ diện tích thửa 75 là có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và đại diện hợp pháp của bà NLQ2 và ông Q đều xác định hiện nay trên thửa 75 không có tài sản gì.

Đối với phần tài sản trên thửa đất số 75 do bà T tự ý tháo dỡ, ông Q có yêu cầu phản tố buộc bà T phải bồi thường giá trị tài sản đã tháo dỡ; tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm, ông Q đã rút yêu cầu phản tố này, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Các bên đương sự được quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng: Bà Võ Thị T đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.408.250đ (*Hai triệu bốn trăm lẻ tám ngàn hai trăm năm mươi đồng*). Bà Võ Thị T đã nộp đủ chi phí này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 33/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 2, 3 Điều 22, Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Các điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T.
2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Q, bà NLQ2 trả lại toàn bộ thửa đất số 75, tờ bản đồ số 29 phường Đ cho vợ chồng ông NLQ1, bà Võ Thị T.
3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc Q và bà NLQ2 đối với bà Võ Thị T về việc yêu cầu bà Võ Thị T bồi thường thiệt hại do bà Võ Thị T tự ý

tháo dỡ tài sản của ông Nguyễn Ngọc Q, bà NLQ2 trên thửa đất 75. Các đương sự được quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020485 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004544 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo bản án là Trích lục bản đồ địa chính ngày 09/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh P)

Nơi nhận:

- Đương sự (4);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND Tp.P (1);
- Chi cục THADS Tp.P (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Diệu